TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TR- NG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**39**/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 28/7/2017
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TR- NG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thu Hồng
Các Hội thẩm nhân dân: 1.Bà Nguyễn Thị Huyền Nga
2.Bà Lê Thị Tân
- Th- ký phiên toà: Bà Lê Huyền Thu- cán bộ Toà án nhân dân quận Hai Bà Tr- ng - Thành phố Hà Nội.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận quận Hai Bà Tr- ng - Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Phạm Sỹ Nguyên- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hai Bà Tr- ng- Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 367/2016/TLST - HNGĐ ngày 16/05/2016 về việc tranh chấp ly hôn theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 60/2017/QĐST- HNGĐ ngày 12 tháng 07 năm 2017,
- *Nguyên đơn*: Chị A; Sinh năm 19XX; Địa chỉ: ph- ờng Y, quận H, Hà Nội.
- *Bị đơn*: Anh B; Sinh năm 19XX; Nơi c- trú cuối cùng: ph- ờng Y, quận H, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - chị A trình bày:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 29/02/2017, đ- ợc bổ sung bằng bản tự khai ngày 22/05/2017, chị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Z, quận N, Hà Nội ngày 18/11/2003, cả hai đều kết hôn lần đầu.

Quá trình chung sống, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân, do anh B không có trách nhiệm, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Năm 2010,

anh B bỏ đi không liên lạc gì với gia đình. Cuối năm 2016, chị có yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự Thông báo tìm kiếm ng- ời vắng mặt tại nơi c- trú đối với anh B. Ngày 19/01/2017, Tòa án nhân dân quận H đã ra Quyết định thông báo tìm kiếm ng- ời vắng mặt tại nơi c- trú đối với anh B. Chị cũng đã tiến hành các thủ tục đăng tin theo quy định của pháp luật nh- ng cũng không có tin tức gì về anh B.

Đến nay, chị thấy hôn nhân không thể cứu vãn được nữa. Tình cảm vợ chồng không còn, chị có nguyện vọng xin ly hôn. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị đ- ợc ly hôn anh B để chị sớm ổn định cuộc sống cho chị và con.

Về con chung: Chị và anh B có một con chung là: cháu C Giới tính: Nam; Sinh ngày xxxxxx). Chị có nguyện vọng xin đ- ợc nuôi cháu C. Không yêu cầu anh B cấp d- ỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nhà ở chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà,

Chị A vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn anh B vì vợ chồng đã ly thân, chị không có tin tức gì về anh B thời gian quá dài, tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ. Về con chung, chị giữ ý kiến chị trực tiếp nuôi d- ỡng cháu C, không yêu cầu anh B cấp d- ỡng nuôi con. Về tài sản chung, nhà ở chung, công nợ chung chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Tr- ng tiến hành tố tụng tại phiên toà phát biểu: Quá trình Toà án từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên toà và tại phiên toà Thẩm phán và những ng- ời tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị A chấp hành tốt quy định của tố tụng dân sự, chấp hành triệu tập của Tòa án và điều hành của Chủ tọa phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A đối với anh B. Về con giao cho chị A nuôi cháu C; Về tài sản, nhà ở, công nợ chung: Chị A xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ợc thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. **Về tố tụng**:

Về quan hệ Pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân nhân gia đình về việc ly hôn, nuôi con theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: bị đơn có nơi c- trú cuối cùng tại, ph- ờng Y, quận H, Hà Nội nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H theo khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Quá trình Tòa án giải quyết, do anh B vắng mặt tại nơi c- trú nên Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết thông báo

thụ lý vụ án, thông báo lời khai của nguyên đơn, yêu cầu nộp bản tự khai, triệu tập đ- ơng sự đến Tòa án giải quyết vụ kiện, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đ- a vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật đối với anh B. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở xử vắng mặt anh B theo Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

2.Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Z, quận N, Hà Nội ngày 18/11/2003, cả hai đều kết hôn lần đầu.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị A: Anh B đã đi khỏi nơi cư trú, cũng không liên lạc gì với vợ con từ năm 2010. Như vậy, anh B không thực hiện các nghĩa vụ của ng- ời chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình 2014 là nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc của gia đình, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau. Vì vậy, có căn cứ rằng anh B đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của ng- ời chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đ- ợc. Cần căn cứ vào khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A đối với anh B.

Về con chung: Chị A và anh B có một con chung là: C (Giới tính: Nam; Sinh ngày xxxxxx).

Xét nguyện vọng xin đ- ợc nuôi con của chị A phù hợp với nguyện vọng cháu C, phù hợp với với việc anh B đã đi khỏi nơi c- trú không có tin tức; phù hợp với Điều 58, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử thấy rằng cần chấp nhận yêu cầu của chị A đ- ợc trực tiếp nuôi con, tạm hoãn việc cấp d- ỡng nuôi con đối với anh B cho đến khi con đủ tuổi tr- ởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi về nuôi con.

Về tài sản, nhà ở chung, công nợ chung: Chị A không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà không xét.

Về án phí: Chị A phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đ- ơng sự có quyền kháng cáo theo quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.
- Căn cứ: khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 243, Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016; Danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A đối với anh B chị A đ- ợc ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị A và anh B có một con chung là: C (Giới tính: Nam; Sinh ngày xxxxxx). Giao cháu C cho chị A trực tiếp chăm sóc nuôi d- ỡng, tạm hoãn tiền cấp d- ỡng nuôi con cho anh B kể từ tháng 7/2017 cho đến khi cháu C đủ tuổi tr- ởng thành hoặc có sự thay đổi khác về nuôi con. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản và nhà ở chung, công nợ chung: Chị A không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà không xét.

Về án phí: Chị A phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, đ- ợc trừ vào số tiền chị đã nộp theo biên lai thu tiền số 02666 ngày 16/05/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Tr- ng.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, sơ thẩm, có mặt chị A, vắng mặt anh B. Chị A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày đ- ợc tống đạt hợp lệ, niêm yết bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Các đ- ơng sự;
- Viện kiểm sát ND Q. Hai Bà Tr- ng;
- Chi cục THA Q. Hai Bà Tr- ng;
- UBND p.Z, quận N;
- L- u VP, HS.

Nguyễn Thu Hồng